**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN TOÁN LỚP 8**

**Tuần 24**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG** |
| **Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp** | **Tiết 47,48-S-§5. PHƯƠNG TRÌNH CHỨA ẨN Ở MẪU** |
| **Hoạt động 1**: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.*** | **\*HOẠT ĐỘNG 1**: Tìm điều kiện xác định của phương trình  -HS đọc SGK  -HS làm ?2 sgk  **\*HOẠT ĐỘNG 2**: Giải phương trình chứa ẩn ở mẫu  -HS đọc các bước giải trong VD SGK/20  **\*HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **\*NỘI DUNG BÀI GHI**  ***1/Ví dụ mở đầu: SGK/19***  ***2/Tìm điều kiện xác định của phương trình*** :Điều kiện xác định của phương trình (viết tắt là ĐKXĐ) là điều kiện của ẩn để tất cả các mẫu trong phương trình đều khác 0  Ví dụ : Tìm ĐKXĐ của mỗi phương trình sau :  a)  Vì x − 2 = 0 ⇒ x = 2  Nên ĐKXĐ của phương trình (a) là x ≠ 2  b)  Vì x − 1 ≠ 0 khi x ≠ 1 Và x + 2 ≠ 0 khi x ≠ −2  Vậy ĐKXĐ của phương trình là x ≠ 1 và x ≠ −2.  **?2 :** Tìm ĐKXĐ của pt sau:  a)  ĐKXĐ: x 1 và x -2  b) =  ĐKXĐ: x  **3/ G*iải pt chứa ẩn ở mẩu*** *.*  Ví dụ: Giải pt:  (1)  ĐKXĐ: x 0 và x2  Quy đồng và khử mẫu 2 vế pt ta có:  2(x+2)(x-2) = (2x+3)x (2)  2(x2- 4) = 2x2 + 3x  2x2 –8 = 2x2 + 3x  3x = - 8  x =  ĐKXĐ (thoả mãn)  Vậy pt có 1 nghiệm x =  \*Cách giải: (SGK)  **4/*Áp dụng* :**  Ví dụ 3: Giải phương trình    − ĐKXĐ : x ≠ −1 và x ≠ 3  − Quy đồng mẫu ta có:    Suy ra : x2+ x+ x2−3x = 4x  ⇔ 2x2−2x−4x = 0  ⇔ 2x2 − 6x = 0  ⇔ 2x(x−3) = 0  ⇔ x = 0 hoặc x = 3  x = 0 (thỏa mãn ĐKXĐ)  x = 3(không thỏa mãn ĐKXĐ)  Vậy : S = {0}  ?3  ĐKXĐ : x ≠ ± 1  ⇔  ⇒ x(x+1)=(x−1)(x+4) ⇔x2 + x − x2 − 3x = -4  ⇔ − 2x = − 4 ⇔ x = 2 (TM ĐKXĐ).  Vậy S = {2}  ĐKXĐ: x ≠ 2  ⇔  ⇒3 = 2x -1 –x2 +2x ⇔ x2 – 4x +1 = 0  ⇔ (x -2)2 = 0 ⇔ x = 2 Không thỏa mãn ĐKXĐ  Tập nghiệm của pt là: S =  **\*LUYỆN TẬP**  Bài 27/22sgk: Giải PT    ĐKXĐ: x ≠ -5  2x – 5 = 3(x + 5)  ó 2x – 5 – 3x – 15 = 0  ó -x – 20 = 0  ó x = -20 (thỏa mãn)  Vậy pt có 1 nghiệm x = - 20  **Bài 28 (c, d) SGK/22**  a)  ĐKXĐ của pt là x ≠ 1  Quy đồng và khử mẫu hai vế ta được  2x – 1 + x – 1 = 1 ⬄ 3x – 3 = 0  ⬄ x = 1 (loại vì không thỏa mãn ĐKXĐ)  Vập PT vô nghiệm S =  c) x + = x2 +  ĐKXĐ của pt là x ≠ 0  Quy đồng và khử mẫu hai vế ta được  x3 + x = x4 + 1 ⬄ x3 + x - x4 – 1 = 0  ⬄ (x3 – 1) – x(x3 – 1) = 0 ⬄ (x3 – 1)(1 – x) = 0  ⬄ (x – 1)2(x2 + x + 2) = 0  ⬄ x = 1 (thỏa mãn ĐKXĐ)  Vậy S = {1}  **Bài 36 SBT/9** (M3)  Cần bổ sung: ĐKXĐ của pt là:  Sau khi tìm được x= phải đối chiếu ĐKXĐ  Vậy x = là nghiệm của pt |
| **Hoạt động 2**: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.*** | -Học bài.  -Xem lại các bài đã giải |

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG** |
| **Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp** | **Tiết 47-H-§6 - TRƯỜNG HỢP ĐỒNG DẠNG THỨ HAI** |
| **Hoạt động 1**: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.*** | **\*Hoạt động 1) Định lý:**  -HS làm /SGK-75  -HS Dự đoán sự đồng dạng của và ?  -HS đọc định lý  -HS nêu GT, KL của định lý  **\*Hoạt động 2) Áp dụng:**  -HS làm , ,Bài 32/77  **NỘI DUNG BÀI GHI**  **1) Định lý:**    ; ;  =>  Dự đoán  .  \*Định lý: SGK/75    GT ABC, A'B'C'  =(1); Â=Â'  KL A'B'C' ABC  Chứng minh: SGK/76  **2) Áp dụng:**    \*  Xét ΔABC và ΔDEF có:  và  Nên ΔABC  ΔDEF (c-g-c)  \*Xét ABC và PQR:  và  ABC không đồng dạng với PQR  \*Vì ΔABC  ΔDEF mà ABC không đồng dạng với PQR nên ΔABC không đồng dạng vớiPQR.    Xét  AED và  ABC có:      chung  Nên AED ABC (c-g-c)  **BT 32a/77 SGK:**  a) Chứng minhOCB OAD  Xét OCB vàOAD :  chung    Nên OCB OAD (c- g- c) |
| **Hoạt động 2**: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.*** | Câu 1: Nêu trường hợp đồng dạng thứ hai của tam giác?  Câu 2: Nêu sự giống và khác nhau giữa trường hợp bằng nhau thứ hai của hai tam giác với trường hợp đồng dạng thứ hai của hai tam giác? |

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG** |
| **Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp** | **Tiết 48-H-§7. TRƯỜNG HỢP ĐỒNG DẠNG THỨ BA** |
| **Hoạt động 1**: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.*** | **Hoạt động 1:Định lý**  **- HS** Tìm hiểu bài toán/ SGK-77,78  -HS đọc định lý/SGK-78  **Hoạt động 2. Áp dụng**  **-**HS thực hiện  -HS thực hiện  **-Làm bài 36 SGK-79**  **NỘI DUNG BÀI GHI**  **1) Định lý:**  \*Bài toán:    Giải:  - Trên tia AB, đặt đoạn thẳng AM = A’B’.  Vẽ đường thẳng MN // BC, N  AC. Ta có  AMN ABC (1).  Xét AMN và A’B’C’ có:  ( )  AM = A’B’    AMN = A’B’C’(g-c-g) (2)  Từ (1) và (2) suy ra A’B’C’  ABC.  \* Định lý: SGK/78  **2. Áp dụng:**        +ABC cân ở A có  Â = 400  Xét ABC và PMN có:  .Vậy ABCPMN (g-g)  + A'B'C' có    Xét A’B’C’và D’E’F’ có:    Vậy A’B’C’D’E’F’(g-g)    a)Hình vẽ có 3 tam giác  ΔABD  ΔACB (g-g)  b) ΔABC  ΔADB    (cm)  y = 4,5 - 2 = 2,5(cm)  c, BD là phân giác góc B  (cm)  ΔBDC cân tại DBD = CD =2,5  **BT 36/79 SGK:**  Xét ABD và BDC có:  (gt)  (so le trong)  Do đó, ABD BDC (g-g) |
| **Hoạt động 2**: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.*** | Câu 1: Nêu trường hợp đồng dạng thứ ba của tam giác?  Câu 2: Nêu sự giống và khác nhau giữa trường hợp bằng nhau thứ ba của hai tam giác với trường hợp đồng dạng thứ ba của hai tam giác? |